

ỦY BAN THI HÀNH QUY CHẾ (EU) 2021/279

ngày 22 tháng 2 năm 2021 đặt ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về kiểm soát và các biện pháp khác đảm bảo truy xuất nguồn gốc và tuân thủ trong sản xuất và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ

Điều 1

Các bước thủ tục mà nhà sản xuất phải tuân theo trong trường hợp nghi ngờ không tuân thủ do có sản phẩm hoặc chất không được phép

1. Để kiểm tra xem liệu nghi ngờ có thể được chứng minh theo Điều 28(2)(b) của Quy định (EU) 2018/848 hay không, nhà sản xuất phải tính đến các yếu tố sau:

(a) khi có nghi ngờ về việc không tuân thủ liên quan đến sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi, nhà sản xuất phải kiểm tra xem:

(i) kiểm tra sự trùng khớp của thông tin trên nhãn của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi và thông tin trên các tài liệu kèm theo;

(ii) thông tin trên giấy chứng nhận do nhà cung cấp cung cấp có liên quan đến sản phẩm thực tế được mua;

(b) trong trường hợp có nghi ngờ rằng nguyên nhân dẫn đến sự có mặt của sản phẩm hoặc chất không được cấp phép nằm dưới sự kiểm soát của nhà sản xuất, nhà sản xuất phải kiểm tra mọi nguyên nhân có thể có dẫn đến sự có mặt của sản phẩm hoặc chất không được phép sử dụng

2. Nhà sản xuất phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận theo Điều 28(2)(d) của Quy định (EU) 2018/848 khi có căn cứ rõ ràng hoặc khi không thể loại bỏ nghi ngờ, nhà sản xuất phải cung cấp các thông tin có liên quan sau (nếu được):

(a) thông tin và tài liệu về nhà cung cấp (thông tin về hoạt động giao hàng, hóa đơn, chứng chỉ của nhà cung cấp, Giấy chứng nhận kiểm định sản phẩm hữu cơ (COI));

(b) khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm với số lô, số lượng tồn kho và số lượng sản phẩm đã bán;

(c) kết quả xét nghiệm từ phòng thí nghiệm được công nhận khi phù hợp và sẵn có;

(d) biên bản lấy mẫu nêu chi tiết thời gian, địa điểm và phương pháp lấy mẫu;

(e) bất kỳ thông tin nào về các nghi ngờ nào trước đây liên quan đến sản phẩm hoặc chất cụ thể không được cấp phép;

(f) mọi tài liệu liên quan khác để làm rõ vụ việc.

Điều 2

Phương pháp điều tra chính thức

1. Ngoài việc tuân thủ theo Điều 38(2) của Quy định (EU) 2018/848, khi thực hiện một cuộc điều tra được đề cập tại Điều 29(1)(a), các cơ quan có thẩm quyền, các cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận phải xác định ít nhất những nội dung sau:

(a) tên, số lô, quyền sở hữu và vị trí thực tế của các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi;

(b) liệu các sản phẩm liên quan vẫn được đưa ra thị trường dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi hoặc được sử dụng trong sản xuất hữu cơ hay không;

(c) chủng loại, tên, số lượng và thông tin liên quan khác của các sản phẩm hoặc chất không được phê duyệt;

(d) Các chất cấm/ sản phẩm cấm được phát hiện ở công đoạn nào và vị trí phát hiện chính xác trong quá trình sản xuất, chuẩn bị, bảo quản hoặc phân phối

(e) liệu những nhà sản xuất khác trong chuỗi cung ứng có bị ảnh hưởng hay không;

(f) kết quả điều tra chính thức trước đây về các sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi và các nhà sản xuất có liên quan.

2. Cuộc điều tra chính thức sẽ được thực hiện bằng cách sử dụng các phương pháp và kỹ thuật thích hợp, bao gồm những phương pháp được đề cập tại Điều 14 và Điều 137(3) của Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (5).

3. Kết quả của cuộc điều tra chính thức tối thiểu phải bao gồm các thông tin về:
- (a) tính toàn vẹn của các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm đang chuyển đổi;
 - (b) nguồn và nguyên nhân của sự xuất hiện các sản phẩm hoặc chất không được phê duyệt;
 - (c) các vấn đề được quy định tại Điều 29(2)(a), (b) và (c) của Quy định (EU) 2018/848.
4. Cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát/ tổ chức chứng nhận phải lập báo cáo cuối cùng cho mỗi cuộc điều tra chính thức. Báo cáo cuối cùng đó sẽ bao gồm:
- (a) hồ sơ về các vấn đề cụ thể theo yêu cầu của điều này;
 - (b) hồ sơ về thông tin được trao đổi với cơ quan có thẩm quyền, các cơ quan kiểm soát và tổ chức chứng nhận Ủy ban liên quan đến cuộc điều tra chính thức này.

Điều 3

Điều kiện sử dụng một số dấu hiệu nhận biết cụ thể

1. Dấu hiệu nhận biết dành cho các sản phẩm đang trong quá trình chuyển đổi có nguồn gốc thực vật như được đề cập tại Điều 30(3) của Quy định (EU) 2018/848 sẽ xuất hiện:
 - (a) màu sắc, kích thước và kiểu chữ không được nổi bật hơn mô tả bán hàng của sản phẩm, trong khi toàn bộ chỉ dẫn phải có cùng kích thước chữ;
 - (b) trường thị giác tương tự như mã số của của cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức chứng nhận như được đề cập tại Điều 32(1)(a) của Quy định (EU) 2018/848.
2. Mã số của cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận như được đề cập tại Điều 32(1)(a) của Quy định (EU) 2018/848 phải xuất hiện trong cùng trường thị giác với logo hữu cơ EU, tại vị trí được ghi nhãn.
3. Thông tin về nơi sản xuất nguyên liệu thô tạo nên sản phẩm, như đã đề cập tại Điều 32(2) của Quy định (EU) 2018/848 phải được đặt ngay dưới mã số được của cơ quan kiểm soát/ tổ chức chứng nhận như đề cập trong đoạn 2 của điều này.

Điều 4

Thành phần và quy mô của một nhóm các nhà sản xuất

Một thành viên chỉ được phép đăng ký vào 01 nhóm nhà sản xuất cho một sản phẩm nhất định, kể cả trong trường hợp trong trường hợp nhà sản xuất tham gia vào các hoạt động khác nhau liên quan đến sản phẩm đó. Quy mô tối đa của một nhóm là 2.000 thành viên.

Điều 5

Tài liệu, hồ sơ của nhóm nhà sản xuất

Nhóm nhà sản xuất phải lưu giữ các tài liệu và hồ sơ sau đây đối với hệ thống kiểm soát nội bộ (ICS):

- (a) danh sách thành viên của nhóm nhà sản xuất dựa trên đăng ký của từng thành viên và bao gồm các thông tin sau:
 - (i) tên và nhận dạng (mã số);
 - (ii) chi tiết liên hệ;
 - (iii) ngày đăng ký;
 - (iv) tổng diện tích đất canh tác do thành viên quản lý bao gồm cả diện tích sản xuất hữu cơ, diện tích đang trong quá trình chuyển đổi và diện tích sản xuất thông thường;
 - (v) thông tin về từng đơn vị sản xuất và/hoặc hoạt động: quy mô, địa điểm, bao gồm bản đồ nếu có, sản phẩm, ngày bắt đầu giai đoạn chuyển đổi và ước tính sản lượng;
 - (vi) ngày thanh tra nội bộ gần đây nhất có tên thanh tra viên ICS;
 - (vii) ngày kiểm soát chính thức gần đây nhất được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận có tên là thanh tra viên, nếu thích hợp;
 - (viii) ngày và phiên bản của danh sách;
- (b) các thỏa thuận hợp tác được ký giữa các thành viên và nhóm có tư cách pháp nhân, trong đó bao gồm các quyền và trách nhiệm của thành viên;
- (c) các báo cáo đánh giá nội bộ có chữ ký của thanh tra ICS và thành viên được đánh giá và bao gồm ít nhất các thông tin sau:

- (i) tên của thành viên và địa điểm của đơn vị hoặc cơ sở sản xuất, bao gồm cả trung tâm mua và thu gom nơi thực hiện các hoạt động đánh giá được đề cập tại Điều 36(1)(a) của Quy định (EU) 2018/848;
 - (ii) ngày, giờ bắt đầu và kết thúc đánh giá nội bộ;
 - (iii) kết quả đánh giá;
 - (iv) phạm vi
 - (v) ngày phát hành báo cáo;
 - (vi) tên đánh giá viên nội bộ;
- (d) hồ sơ đào tạo của thanh tra viên ICS bao gồm:
- (i) ngày đào tạo;
 - (ii) nội dung đào tạo;
 - (iii) tên người huấn luyện;
 - (iv) chữ ký của người học;
 - (v) khi thích hợp, đánh giá kiến thức thu được;
- (e) hồ sơ đào tạo của các thành viên trong nhóm;
- (f) hồ sơ về các biện pháp được thực hiện bởi Quản lý ICS trong trường hợp trong trường hợp không tuân thủ, bao gồm:
- (i) các thành viên phải chịu các biện pháp xử lý trong trường hợp không tuân thủ, bao gồm việc bị đình chỉ, loại khỏi nhóm, hoặc buộc phải chuyển đổi lại.
 - (ii) tài liệu về việc không tuân thủ
 - (iii) các hồ sơ theo dõi tiếp theo;
- (g) hồ sơ truy xuất nguồn gốc, bao gồm các thông tin về khối lượng đối với các hoạt động sau (nếu có liên quan):
- (i) Hoạt động mua và phân phối vật tư đầu của nhóm đối với các thành viên bao gồm cả giống cây trồng;
 - (ii) sản xuất bao gồm cả thu hoạch;
 - (iii) Bảo quản;
 - (iv) chuẩn bị;
 - (v) Giao nhận sản phẩm từ các thành viên đến hệ thống tiếp thị chung;
 - (vi) đưa sản phẩm ra thị trường bởi nhóm;
- (h) các thỏa thuận và hợp đồng bằng văn bản giữa nhóm và nhà thầu phụ bao gồm thông tin về bản chất của các hoạt động được thầu phụ;
- (i) bổ nhiệm người quản lý ICS;
- (j) bổ nhiệm chuyên gia đánh giá nội bộ, cũng như danh sách chuyên gia đánh giá nội bộ. Danh sách các thành viên được đề cập tại điểm (a) sẽ được người quản lý ICS cập nhật khi bất kỳ sửa đổi nào đối với các yếu tố được liệt kê từ điểm (a)(i) đến (viii) và phải nêu rõ liệu có bất kỳ các thành viên nào đã bị đình chỉ hoặc loại bỏ do sự không tuân thủ được phát hiện trong quá trình đánh giá nội bộ hoặc kiểm tra chính thức.

Điều 6

Thông báo từ người quản lý ICS

Người quản lý ICS phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận (khi thích hợp), về các thông tin sau:

- (a) bất kỳ nghi ngờ nào về hành vi không tuân thủ; ở mức độ chính yếu và nghiêm trọng
- (b) bất kỳ sự đình chỉ hoặc loại bỏ một thành viên hoặc một đơn vị sản xuất hoặc cơ sở, bao gồm cả các trung tâm thu mua và thu mua, khỏi nhóm;
- (c) bất kỳ lệnh cấm nào được đưa ra đối với sản phẩm dưới dạng hữu cơ hoặc sản phẩm đang trong quá trình chuyển đổi, bao gồm tên của thành viên hoặc các thành viên liên quan, số lượng và số lô nhận dạng.

Điều 7

Tỷ lệ phần trăm tối thiểu của biện pháp kiểm soát và lấy mẫu

Các quy tắc sau đây về tỷ lệ phần trăm tối thiểu sẽ áp dụng đối với các biện pháp kiểm soát chính thức nêu tại Điều 38(4) của Quy định (EU) 2018/848 do các cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận thực hiện tùy theo rủi ro về việc không tuân thủ:

- (a) tối thiểu 10 % nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất phải được đánh giá không báo trước hàng năm;
- (b) tối thiểu 10% các biện pháp kiểm soát bổ sung đối với những biện pháp được đề cập tại Điều 38(3) của Quy định (EU) 2018/848 sẽ được thực hiện hàng năm;
- (c) tối thiểu 5% nhà sản xuất, không bao gồm những nhà sản xuất được miễn theo Điều 34(2) và 35 (8) của Quy định (EU) 2018/848 sẽ phải được lấy mẫu theo Điều 14(h) của Quy định (EU) 2017/625 hàng năm;
- (d) tối thiểu 2% thành viên của mỗi nhóm người vận hành phải được lấy mẫu theo Điều 14(h) của Quy định (EU) 2017/625 hàng năm;
- (e) tối thiểu 5% số thành viên của nhóm, nhưng không ít hơn 10 thành viên sẽ phải được kiểm tra lại hàng năm. Trong trường hợp nhóm có dưới 10 thành viên, tất cả các thành viên sẽ được kiểm tra, xác nhận sự phù hợp theo Điều 38(3) của Quy định (EU) 2018/848.

Điều 8

Các biện pháp kiểm soát trong trường hợp không tuân thủ

Các cơ quan có thẩm quyền có thể sử dụng các thỏa thuận thống nhất nêu trong Phụ lục I của Quy định này để xây dựng danh mục các biện pháp kiểm soát tại từng quốc gia như được đề cập tại Điều 41(4) của Quy định (EU) 2018/848.

Danh mục biện pháp kiểm soát quốc gia ít nhất phải bao gồm:

- (a) danh sách các trường hợp/tình huống không tuân thủ có tham chiếu đến các quy tắc cụ thể của Quy định (EU) 2018/848 hoặc đạo luật quy định được viện dẫn trong quy định (EU) 2018/848;
- (b) việc phân loại các hành vi không tuân thủ thành ba loại: nhỏ (Minor), lớn (Major), và nghiêm trọng (Critical) tính đến ít nhất các tiêu chí sau:
 - (i) việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa nêu tại Điều 28(1) của Quy định (EU) 2018/848 và các biện pháp kiểm soát riêng được nêu tại Điều 9(1)(d) của Quy định (EU) 2017/625;
 - (ii) tác động đến tính toàn vẹn của hữu cơ hoặc trạng thái chuyển đổi của sản phẩm;
 - (iii) khả năng của hệ thống truy xuất nguồn gốc trong việc xác định (các) sản phẩm bị ảnh hưởng trong chuỗi cung ứng;
 - (iv) phản hồi các yêu cầu trước đó của cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát, khi thích hợp;
- (c) các biện pháp tương ứng với các mức độ không tuân thủ khác nhau.

Điều 9

Trao đổi thông tin

1. Vì mục đích của Điều 43(1) của Quy định (EU) 2018/848, cơ quan có thẩm quyền sẽ sử dụng Hệ thống thông tin canh tác hữu cơ (OFIS) và các mẫu được nêu trong Phụ lục II của Quy định này để trao đổi thông tin với Ủy ban châu Âu và các Quốc gia Thành viên khác theo các quy tắc sau:

- (a) Quốc gia Thành viên phải thông báo cho Ủy ban châu Âu và (các) quốc gia thành viên ít nhất trong các trường hợp sau:
 - (i) khi hành vi không tuân thủ bị nghi ngờ hoặc xác định rõ ràng ảnh hưởng đến tính toàn vẹn hữu cơ của sản phẩm hoặc sản phẩm đang chuyển đổi đến từ một Quốc gia Thành viên khác;

- (ii) khi hành vi nghi ngờ hoặc được xác định là không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn hữu cơ của các sản phẩm hoặc sản phẩm đang chuyển đổi được nhập khẩu từ nước thứ ba theo Điều 45(1) hoặc Điều 57 của Quy định (EU) 2018/848;
- (iii) khi hành vi không tuân thủ bị nghi ngờ hoặc được xác định rõ ràng ảnh hưởng đến tính toàn vẹn hữu cơ của các sản phẩm hoặc sản phẩm đang chuyển đổi đến từ Quốc gia Thành viên thông báo, vì hành vi đó có thể ảnh hưởng đến một hoặc nhiều Quốc gia Thành viên được thông báo (cảnh báo);
- (b) trong các tình huống nêu tại điểm (a)(i) và (ii) (các) Quốc gia Thành viên được thông báo sẽ trả lời trong vòng 30 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo và sẽ thông báo về các hành động và biện pháp đã thực hiện. , bao gồm cả kết quả điều tra chính thức và cung cấp bất kỳ thông tin nào khác có sẵn và/hoặc được yêu cầu bởi Quốc gia Thành viên thông báo;
- (c) Quốc gia Thành viên thông báo có thể yêu cầu (các) Quốc gia Thành viên được thông báo về bất kỳ thông tin bổ sung cần thiết nào;
- (d) Quốc gia Thành viên thông báo phải thực hiện các mục nhập và cập nhật cần thiết trong OFIS, bao gồm cả các cập nhật liên quan đến kết quả đánh giá chính thức của chính mình trong thời gian sớm nhất có thể.
- (e) trong trường hợp nêu tại điểm (a) (ii) và khi Ủy ban Châu Âu được thông báo bởi một Quốc gia Thành viên, Ủy ban sẽ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận có liên quan của nước thứ 3.
2. Ngoài nghĩa vụ cung cấp thông tin nêu tại Điều 32(b) của Quy định (EU) 2017/625, cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền đã giao cho mình hoặc đã ủy quyền cho mình một số nhiệm vụ kiểm soát chính thức nhất định hoặc một số nhiệm vụ nhất định liên quan đến các hoạt động chính thức khác theo Điều 4(3) và Điều 28(1) hoặc Điều 31, về bất kỳ nghi ngờ hoặc hành vi không tuân thủ nào ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm hữu và sản phẩm đang trong quá trình chuyển đổi. đồng thời phải cung cấp bất kỳ thông tin nào khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
3. theo quy định của Điều 43(3) của Quy định (EU) 2018/848, khi nhà sản xuất hoặc nhóm nhà sản xuất và/hoặc nhà thầu phụ của họ được kiểm soát bởi các cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận khác nhau, các cơ quan kiểm soát và các tổ chức chứng nhận phải trao đổi thông tin liên quan đến các hoạt động dưới sự kiểm soát của họ.
4. Theo quy định của Điều 43(3) của Quy định (EU) 2018/848, khi nhà sản xuất hoặc nhóm nhà sản xuất và/hoặc nhà thầu phụ của họ thay đổi cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận, các nhà sản xuất và/hoặc cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận có liên quan phải thông báo ngay cho cơ quan có thẩm quyền về sự thay đổi đó.
- Cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận mới phải yêu cầu hồ sơ kiểm soát của nhà sản xuất hoặc nhóm nhà sản xuất từ cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận trước đó. Cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận trước phải bàn giao ngay cho cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận mới hồ sơ kiểm soát của nhà sản xuất/nhóm nhà sản xuất có liên quan, bao gồm các thông tin dạng văn bản nêu tại Điều 38(6) của Quy định (EU) 2018 /848, tình trạng chứng nhận, danh sách các trường hợp không tuân thủ và các biện pháp tương ứng do cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận trước đó thực hiện.
- Cơ quan kiểm soát hoặc tổ chức chứng nhận mới phải đảm bảo rằng những hành vi không tuân thủ được ghi trong hồ sơ của cơ quan kiểm soát hoặc trước đó đã hoặc sẽ được nhà sản xuất xử lý.
5. Theo quy định của Điều 43(3) của Quy định (EU) 2018/848, kiểm tra khả năng truy suất nguồn gốc và cân bằng khối lượng của nhà sản xuất, nhóm nhà sản xuất, cơ quan kiểm soát và tổ chức chứng nhận sẽ phải đổi thông tin liên quan cho phép hoàn thiện của những nội dung kiểm tra này.
6. Các cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện các biện pháp thích hợp và thiết lập các thủ tục dạng văn bản để tạo điều kiện trao đổi thông tin giữa họ với các cơ quan kiểm soát và/hoặc tổ chức chứng nhận mà họ đã giao hoặc ủy quyền một số nhiệm vụ kiểm soát chính thức hoặc một số nhiệm vụ nhất định liên quan đến các hoạt động chính thức khác cũng như giữa các cơ quan kiểm soát và/hoặc tổ chức chứng nhận.

Điều 10

Quy định chuyển tiếp

1. Các nhóm nhà sản xuất tại nước thứ ba tuân thủ Quy định (EC) số 834/2007, (EC) số 889/2008 và (EC) số 1235/2008 trước ngày Quy định này có hiệu lực và có tầm quan trọng về hành chính, Những thay đổi về mặt pháp lý và cơ cấu là cần thiết đối với quy mô tối đa của nhóm nhà sản xuất được quy định tại đoạn thứ hai Điều 4 của Quy định này và phải tuân thủ quy định đó chậm nhất là từ ngày 1 tháng 1 năm 2025.
2. Danh mục biện pháp quốc gia được xây dựng theo Điều 8 được áp dụng chậm nhất từ ngày 1 tháng 1 năm 2023.

Điều 11

Hiệu lực và áp dụng

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau ngày được công bố trên Tạp chí chính thức của Liên minh Châu Âu.
Nó sẽ được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2022. Quy định này sẽ có tính ràng buộc toàn bộ và được áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên. Brussels, ngày 22 tháng 2 năm 2021.

PHỤ LỤC I

Những thỏa thuận thống nhất cho việc xây dựng và áp dụng danh mục các biện pháp quốc gia như đã nêu tại Điều 8

1. Cơ quan có thẩm quyền có thể phân loại các trường hợp không tuân thủ thành: nhỏ (minor), lớn (Major), nghiêm trọng (critical), trên cơ sở các tiêu chí phân loại tại Điều 8 khi rơi vào một trong các tình huống sau:

(a) trường hợp không tuân thủ là nhẹ (Minor) khi:

- (i) các biện pháp phòng ngừa tương xứng và phù hợp, đồng thời các biện pháp kiểm soát mà nhà sản xuất áp dụng có hiệu quả;
- (ii) việc không tuân thủ không ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi;
- (iii) hệ thống truy xuất nguồn gốc có thể xác định vị trí của (các) sản phẩm bị ảnh hưởng trong chuỗi cung ứng và có khả năng ngăn chặn việc bán sản phẩm ra thị trường như là sản phẩm hữu cơ.

(b) trường hợp không tuân thủ là nặng (major) khi:

- (i) các biện pháp phòng ngừa không tương xứng và phù hợp; các biện pháp kiểm soát mà nhà sản xuất áp dụng không hiệu quả;
- (ii) việc không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi;
- (iii) nhà sản xuất không khắc phục kịp thời một lỗi không tuân thủ mức độ nhỏ (minor);
- (iv) hệ thống truy xuất nguồn gốc có thể xác định vị trí của (các) sản phẩm bị ảnh hưởng trong chuỗi cung ứng và có khả năng ngăn chặn việc bán sản phẩm ra thị trường như là sản phẩm hữu cơ;

(c) trường hợp không tuân thủ là nghiêm trọng (critical) khi:

- (i) các biện pháp phòng ngừa không tương xứng và phù hợp; các biện pháp kiểm soát mà nhà sản xuất áp dụng không hiệu quả;
- (ii) việc không tuân thủ ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm đang chuyển đổi;
- (iii) nhà sản xuất không khắc phục các lỗi không tuân thủ nghiêm trọng trước đó hoặc liên tục không khắc phục được các loại lỗi không tuân thủ khác;
- (iv) không có thông tin từ hệ thống truy xuất nguồn gốc trong việc xác định (các) sản phẩm bị ảnh hưởng trong chuỗi cung ứng và không có khả năng ngăn chặn việc đưa sản phẩm ra thị trường dưới dạng sản phẩm có liên quan đến hữu cơ.

2. Các biện pháp

Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát và tổ chức chứng nhận cần áp dụng một hoặc các biện pháp kiểm soát dưới đây một cách phù hợp với danh sách các trường hợp không tuân thủ.

Phân nhóm trường hợp không tuân thủ.	Biện pháp
Nhẹ (Minor)	Nhà sản xuất đệ trình một kế hoạch hành động trong thời hạn quy định về việc khắc phục việc không tuân thủ
Nặng (Major)	<p>Không đề cập đến sản xuất hữu cơ trên nhãn và quảng cáo đối với toàn bộ lô hoặc quá trình sản xuất có liên quan ((các) cây trồng hoặc (các) động vật bị ảnh hưởng) theo Điều 42(1) của Quy định (EU) 2018/848</p> <p>Yêu cầu thời gian chuyển đổi mới</p> <p>Giới hạn phạm vi của chứng chỉ</p> <p>Cải thiện việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát mà nhà sản xuất đã áp dụng để đảm bảo việc tuân thủ</p>
Nghiêm trọng (Critical)	<p>Không đề cập đến sản xuất hữu cơ trong việc ghi nhãn và quảng cáo toàn bộ lô hoặc quá trình sản xuất có liên quan ((các) cây trồng hoặc (các) động vật bị ảnh hưởng) theo Điều 42(1) của Quy định (EU) 2018/848</p> <p>Cấm tiếp thị các sản phẩm đề cập đến sản xuất hữu cơ trong một thời gian nhất định theo Điều 42(2) của Quy định (EU) 2018/848</p> <p>Cần có thời gian chuyển đổi mới</p> <p>Giới hạn phạm vi của chứng chỉ</p> <p>Đình chỉ chứng chỉ</p> <p>Thu hồi chứng chỉ</p>